

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 7 - 2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp;

2. Ông Ngô Hoàng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1978. (có mặt)

HKTT: đường N, khóm I, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Vưu Hồ Thái Sơn V, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: đường N, khóm I, phường X, thành phố C, tỉnh Cà Mau..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Vưu Hồ Thái Sơn V xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau vào năm 2009. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, anh V không quan tâm chăm sóc vợ, con; anh chị đã không còn sống chung cách nay khoảng 04 năm. Chị xác định hiện nay chị không còn tình cảm với

anh V, nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh V.

- Về con chung: Chị N xác định chị và anh V có 02 người con chung tên Vuư Ngọc Vương C, sinh ngày 08/10/2007 và Vuư Vương Minh T, sinh ngày 28/7/2009, hiện nay các cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 02 người con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án tại Bản tự khai và Biên bản hòa giải anh Vuư Hồ Thái Sơn V trình bày:

- Về hôn nhân: Anh xác định về thời gian chung sống, kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị N trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng. Chị N yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N nên yêu cầu được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung tên Vuư Ngọc Vương C, sinh ngày 08/10/2007 và Vuư Vương Minh T, sinh ngày 28/7/2009, hiện các cháu đang sống với chị N. Trường hợp chị N kiên quyết ly hôn, Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh yêu cầu nuôi cả 02 người con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Vuư Hồ Thái Sơn V có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nay chị N yêu cầu ly hôn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh V đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh Vuư Hồ Thái Sơn V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N xác định hôn nhân của chị và anh Vuư Hồ Thái Sơn V là hoàn toàn tự nguyện. Chị N yêu cầu ly hôn với anh V là do anh V không chăm lo cho gia đình, không chăm sóc vợ, con; từ năm 2016 đến nay anh chị không còn sống chung với nhau, chị về tỉnh Sóc Trăng sinh sống, còn anh V sinh sống tại thành phố Cà Mau. Chị xác định không còn tình cảm với anh V, nếu tiếp tục chung sống sẽ không hạnh phúc. Chị N kiên quyết ly hôn. Anh V xác định quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị N, anh mong muốn được hàn gắn để cùng nhau nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh không đồng ý ly hôn với chị N, anh yêu cầu được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Vuur Hồ Thái Sơn V chung sống và kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của chị N và anh V được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hồng N kiên quyết yêu cầu ly hôn; anh Vuur Hồ Thái Sơn V không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào thuyết phục có hiệu quả để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, tại phiên tòa anh V vắng mặt thể hiện anh không còn mong muốn được đoàn tụ. Xét thấy, chị N và anh V xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong thời gian chung sống anh chị không duy trì được hạnh phúc gia đình, anh chị không còn sống chung cách nay khoảng 04 năm. Vì vậy, anh chị đã không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn anh V là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị N và anh V có 02 người con chung tên Vuur Ngọc Vương C, sinh ngày 08/10/2007 và Vuur Vương Minh T, sinh ngày 28/7/2009, hiện các cháu đang sống với chị N. Chị N yêu cầu nuôi cả 02 người con chung, anh V cũng yêu cầu nuôi con chung, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các cháu Vuur Ngọc Vương C, Vuur Vương Minh T đang sống ổn định với chị N và có nguyện vọng được sống chung với chị N khi chị cha mẹ các cháu ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị N là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của các cháu tại biên bản ghi nhận ý kiến con chung ngày 10/7/2020. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh V xác định anh, chị không có tài sản chung. Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh V xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng N về việc yêu cầu ly hôn anh Vuur Hồ Thái Sơn V.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Vưu Ngọc Vương C, sinh ngày 08/10/2007 và Vưu Vương Minh T, sinh ngày 28/7/2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000đ. Ngày 18/5/2020, chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0001839, được đối trừ chuyển thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Vưu Hồ Thái Sơn V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- UBND phường 2, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hân